

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N  
THÀNH PHỐ C**

Số: 93/2022/QĐST-VHNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*N, ngày 05 tháng 5 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C**

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân thụ lý số 150/2022/TLST-VHN ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:**

1. Ông **Nguyễn Chánh T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 19/13A Huỳnh Thúc Kháng, phường An Nghiệp, quận N, thành phố C.

2. Bà **Lê Thị Kim D**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 60 Đề Thám, phường An Cư, quận N, thành phố C.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 4 năm 2022, ông **Nguyễn Chánh T và bà Lê Thị Kim D** vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của ông **Nguyễn Chánh T và bà Lê Thị Kim D** là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận ông **Nguyễn Chánh T và bà Lê Thị Kim D** thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Quá trình chung sống ông Nguyễn Chánh T và bà Lê Thị Kim D có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn A (nam), sinh ngày 25/6/2016. Sau khi ly hôn, ông T và bà D thống nhất giao cháu Nguyễn Tuấn A cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Tuấn Anh tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Ông T và bà D thống nhất trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông T và bà D thống nhất trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Chánh T và bà Lê Thị Kim D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Tuấn A (nam), sinh ngày 25/6/2016 cho bà Lê Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chánh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Tuấn A tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Chánh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- *Về tài sản chung*: Ông T và bà D thống nhất trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Ông T và bà D thống nhất trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Chánh T và bà Lê Thị Kim D mỗi người chịu 150.000 đồng. Bà D tự nguyện nộp thay cho ông T. Tổng cộng bà D phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng lệ phí bà D đã nộp theo Biên lai thu số 0001654 ngày 22/02/2022 thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

-Đương sự;  
-VKSND quận N;  
-UBND phường An C1,  
quận N,  
thành phố C  
-Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**  
(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Quân**